



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI
NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 25

587
CÔNG TY
CÁI LẠCH
TOÁN
T.Y
PHỔ C

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương được thành lập theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM, ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103002086, ngày 07 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 4 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh Hải Phòng tại 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.720.000.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn đầu tư 100% vốn thành lập công ty con là Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành (Hanotrans). Hanotrans có cùng địa chỉ giao dịch với Công ty. Hiện nay, Hanotrans có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Hải Phòng, đặt tại 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng;
- Chi nhánh Hồ Chí Minh, đặt tại 145 –147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; bốc xếp, giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá nội địa và quá cảnh;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hoá;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống.
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển: xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển.
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Môi giới hàng hải;
- Đại lý tàu biển.

(Phần tiếp theo ở trang 02)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Khúc Văn Dụ	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Loan	Thành viên
Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giang	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Khúc Văn Dụ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Giang	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc chi nhánh Hải Phòng
Ông Trần Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

3. Thành viên của Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Nguyễn Bích Liên	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Ủy viên
Bà Dương Minh Châu	Ủy viên

4. Tình hình kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

KHÚC VĂN DỤ



Số: 13.153/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 19 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 25 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2013

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		214.883.966.864	206.182.601.144
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	75.154.211.915	75.498.875.905
1. Tiền	111		27.231.133.215	30.319.275.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.923.078.700	45.179.600.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.134.000.000	31.446.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	(5.2)	8.134.000.000	31.446.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	108.417.412.811	84.138.156.105
1. Phải thu khách hàng	131		61.663.884.632	41.894.873.007
2. Trả trước cho người bán	132		47.547.612.768	42.171.059.003
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		722.706.046	145.798.338
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.516.790.635)	(73.574.243)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.178.342.138	15.099.569.134
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		90.000.000	90.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		863.512.110	540.685.951
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	22.224.830.028	14.468.883.183

(Phần tiếp theo ở trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.963.306.112	45.932.802.546
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		34.015.557.790	30.430.155.895
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.5)	17.033.474.339	20.883.939.768
+ Nguyên giá	222		34.416.465.512	34.720.134.921
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.382.991.173)	(13.836.195.153)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	(5.6)	1.153.261.032	1.275.494.976
+ Nguyên giá	228		2.216.750.157	2.176.750.157
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.063.489.125)	(901.255.181)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.7)	15.828.822.419	8.270.721.151
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	15.733.026.540	15.177.048.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		890.000.000	890.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9.525.000.000	9.525.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(681.973.460)	(1.237.952.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		214.721.782	325.598.651
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.9)	214.721.782	325.598.651
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		264.847.272.976	252.115.403.690

(Phần tiếp theo ở trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		164.967.798.168	162.100.143.977
I. Nợ ngắn hạn	310		164.967.798.168	162.100.143.977
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	128.433.322.744	142.857.910.399
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	295.203.128	2.336.907.468
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	4.005.855.198	2.696.812.850
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	8.154.772.095	5.984.966.316
6. Chi phí phải trả	316	(5.13)	7.519.315.863	316.309.204
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.14)	16.141.729.912	7.276.829.511
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		417.599.228	630.408.229
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		99.879.474.808	90.015.259.713
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.15)	99.879.474.808	90.015.259.713
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.720.000.000	54.720.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.029.300.000	1.029.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.021.870.476	7.563.230.144
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		500.000.000	500.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.000.000.000	3.000.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.15.4)	32.425.512.414	24.019.937.651
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		264.847.272.976	252.115.403.690

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		553.079,93	617.289,67
+ EUR		4.763,27	20.444,45
+ SGD		500,00	500,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HIỀN

KHÚC VĂN DỤ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		339.718.624.801	315.771.835.633
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	339.718.624.801	315.771.835.633
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	307.558.696.225	295.284.901.365
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.159.928.576	20.486.934.268
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	17.986.075.363	25.413.517.958
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	793.637.212	8.157.469.429
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			11.506.849
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	16.172.399.530	12.149.432.494
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.179.967.197	25.593.550.303
11. Thu nhập khác	31	(6.6)	843.776.343	1.345.705.515
12. Chi phí khác	32	(6.7)	792.402.480	844.776.394
13. Lợi nhuận khác	40		51.373.863	500.929.121
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.231.341.060	26.094.479.424
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	6.054.158.769	3.909.378.268
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.177.182.291	22.185.101.156

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****ĐỖ THỊ THU HIỀN****KHÚC VĂN DỤ**

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.231.341.060	26.094.479.424
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.726.762.210	3.629.937.000
Các khoản dự phòng	03		887.237.852	1.311.526.243
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(168.099.267)	241.925.281
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.638.019.064)	(16.556.938.564)
Chi phí lãi vay	06			11.506.849
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.039.222.791	14.732.436.233
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.009.924.646)	(11.280.368.721)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.614.281.671	37.012.070.420
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng giảm chi phí trả trước	12		110.876.869	(5.684.506)
Tiền lãi vay đã trả	13			(11.506.849)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.163.380.509)	(4.895.436.468)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			100.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.883.760.000)	(3.082.932.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		3.707.316.176	32.568.577.609
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.226.306.438)	(8.740.382.973)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		536.000.000	926.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(25.500.000.000)	(33.446.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37.446.000.000	29.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.241.456.115	9.055.892.662
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.497.149.677	(3.203.763.038)

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(817.208.082)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			4.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(4.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.552.168.000)	(9.054.442.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.552.168.000)	(9.871.650.082)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50		(347.702.147)	19.493.164.489
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		75.498.875.905	55.409.373.505
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.038.157	596.337.911
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70		75.154.211.915	75.498.875.905

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC**ĐỖ THỊ THU HIỀN****KHÚC VĂN DỤ**

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM, ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103002086, ngày 07 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 4 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh Hải Phòng tại 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.720.000.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn đầu tư 100% vốn thành lập công ty con là Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành (Hanotrans). Hanotrans có cùng địa chỉ giao dịch với Công ty. Hiện nay, Hanotrans có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Hải Phòng, đặt tại 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng;
- Chi nhánh Hồ Chí Minh, đặt tại 145 –147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; bốc xếp, giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá nội địa và quá cảnh;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hoá;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống.
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển: xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển.
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Môi giới hàng hải;
- Đại lý tàu biển.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.
- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 24 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Chi phí để có quyền sử dụng đất	13 năm
+ Phần mềm quản lý	03 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.6. Quỹ lương

Quỹ lương năm 2012 được trích theo Quyết định số 001-2012/TGD của Tổng Giám đốc ngày 16 tháng 4 năm 2012.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận chưa phân phối năm 2011 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2012.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi đối với hoạt động kinh doanh chính là 20% trong 10 năm kể từ năm 2003, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động khác là 25%.
- Các báo cáo thuế của các công ty trong Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.585.643.743	1.471.899.745
Tiền gửi ngân hàng	25.645.489.472	28.847.376.160
Các khoản tương đương tiền	47.923.078.700	45.179.600.000
Tổng cộng	75.154.211.915	75.498.875.905

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng.

5.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	61.663.884.632	41.894.873.007
Trả trước cho người bán	47.547.612.768	42.171.059.003
Các khoản phải thu khác	722.706.046	145.798.338
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	109.934.203.446	84.211.730.348
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.516.790.635)	(73.574.243)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	108.417.412.811	84.138.156.105

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải thu và khoản trả trước đối với bên liên quan lần lượt là 78.751.145 đồng và 19.891.367.029 đồng – xem thêm mục 7.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	349.130.028	473.043.183
Ký quỹ ngắn hạn	21.875.700.000	13.995.840.000
Tổng cộng	22.224.830.028	14.468.883.183

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.749.745.867	1.794.456.752	27.135.176.898	1.040.755.404	34.720.134.921
Mua trong năm	-	56.421.500	-	158.090.909	214.512.409
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(518.181.818)	-	(518.181.818)
Số dư cuối năm	4.749.745.867	1.850.878.252	26.616.995.080	1.198.846.313	34.416.465.512
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.370.864.718	789.523.908	9.754.895.074	920.911.453	13.836.195.153
Khấu hao trong năm	168.222.564	242.625.442	3.074.737.011	78.943.249	3.564.528.266
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(17.732.246)	-	(17.732.246)
Số dư cuối năm	2.539.087.282	1.032.149.350	12.811.899.839	999.854.702	17.382.991.173
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.378.881.149	1.004.932.844	17.380.281.824	119.843.951	20.883.939.768
Tại ngày cuối năm	2.210.658.585	818.728.902	13.805.095.241	198.991.611	17.033.474.339

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.027.313.739 đồng.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.823.682.327	353.067.830	2.176.750.157
Mua trong năm	-	40.000.000	40.000.000
Số dư cuối năm	1.823.682.327	393.067.830	2.216.750.157
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	684.870.810	216.384.371	901.255.181
Khấu hao trong năm	108.535.896	53.698.048	162.233.944
Số dư cuối năm	793.406.706	270.082.419	1.063.489.125
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.138.811.517	136.683.459	1.275.494.976
Tại ngày cuối năm	1.030.275.621	122.985.411	1.153.261.032

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 135.546.230 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng kho bãi	15.734.483.419	8.201.382.151
Chi phí tư vấn thiết kế xây dựng văn phòng	69.339.000	69.339.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	25.000.000	-
Tổng cộng	15.828.822.419	8.270.721.151

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	6.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	890.000.000	890.000.000
Đầu tư dài hạn khác	9.525.000.000	9.525.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	16.415.000.000	16.415.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(681.973.460)	(1.237.952.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	15.733.026.540	15.177.048.000

Đầu tư vào công ty liên kết là khoản đầu tư 44,5% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Giao Nhận, Vận Tải Vinashinlines – Vinatrans (Shintrans). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Shintrans đã có quyết định giải thể theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012 và đang chờ thông báo giải thể từ Sở Kế Hoạch và Đầu Tư nên chưa xử lý phần tài sản giữa hai bên. Đồng thời, theo báo cáo tài chính năm 2012 của Shintrans, tài sản còn lại của công ty lớn hơn giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào các đơn vị sau:

	Số tiền	Tỷ lệ góp vốn
Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại - Vinalink	6.900.000.000	5,62%
Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương - Vinafreight	2.625.000.000	3,13%
Tổng cộng	9.525.000.000	

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

Là giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Công ty phân bổ 50% giá trị công cụ, dụng cụ khi đưa vào sử dụng và 50% giá trị còn lại vào năm thứ 3 từ lúc phát sinh.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	128.433.322.744	142.857.910.399
Người mua trả tiền trước	295.203.128	2.336.907.468
Tổng cộng	128.728.525.872	145.194.817.867

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải trả bên liên quan là 2.591.844.966 đồng – xem thêm mục 7.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	119.688.563	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.937.834.452	1.047.056.192
Thuế thu nhập cá nhân	701.238.615	695.915.228
Các loại thuế khác	1.247.093.568	953.841.430
Tổng cộng	4.005.855.198	2.696.812.850

5.12. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2012 còn phải trả.

5.13. Chi phí phải trả

Chủ yếu là các khoản trích trước chi phí cước hàng không cho các lô hàng đã hoàn thành trong năm.

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	338.532	566.516
Cổ tức phải trả	1.015.062.000	6.784.040.000
Nhận tiền cước cho thuê container lạnh	4.930.000.000	286.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.196.329.380	206.222.995
Tổng cộng	16.141.729.912	7.276.829.511

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: ngàn đồng								
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	54.720.000	1.029.300	-	(225.611)	6.586.256	500.000	2.000.000	22.528.854	87.138.799
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	22.185.101	22.185.101
Trích quỹ	-	-	-	-	976.974	-	1.000.000	(3.940.705)	(1.963.731)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(817.208)	-	-	-	-	-	(817.208)
Chia cổ tức 2010	-	-	-	-	-	-	-	(5.472.000)	(5.472.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2011	-	-	-	-	-	-	-	(5.472.000)	(5.472.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 2/2011	-	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(392.713)	(392.713)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	225.611	-	-	-	-	225.611
Số dư đầu năm nay	54.720.000	1.029.300	(817.208)	-	7.563.230	500.000	3.000.000	24.019.937	90.015.259
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	27.177.182	27.177.182
Trích quỹ	-	-	-	-	458.640	-	1.000.000	(4.786.405)	(3.327.765)
Chia cổ tức 2011	-	-	-	-	-	-	-	(2.708.300)	(2.708.300)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2012	-	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Tạm ứng cổ tức đợt 2/2012	-	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(443.702)	(443.702)
Số dư cuối năm	54.720.000	1.029.300	(817.208)	-	8.021.870	500.000	4.000.000	32.425.512	99.879.475

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	10,96%	6.000.000.000	10,96%
Vốn góp của các đối tượng khác	48.720.000.000	89,04%	48.720.000.000	89,04%
Tổng cộng	54.720.000.000	100%	54.720.000.000	100%

5.15.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.472.000	5.472.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	5.472.000	5.472.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	55.400	55.400
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.416.600	5.416.600
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 10.000 VNĐ/ cổ phần.		

5.15.4. Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	24.019.937.651	22.528.854.195
Lợi nhuận sau thuế trong năm	27.177.182.291	22.185.101.156
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(458.640.332)	(976.974.174)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.771.467.196)	(2.356.443.526)
Chia cổ tức 2011	(2.708.300.000)	(5.472.000.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2012	(5.416.600.000)	(5.472.000.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 2/2012	(5.416.600.000)	(5.416.600.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	32.425.512.414	24.019.937.651

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cước	121.456.447.320	137.354.476.518
Doanh thu cung cấp nội địa	218.262.177.481	178.417.359.115
Doanh thu thuần	339.718.624.801	315.771.835.633

Trong đó, doanh thu nội bộ là 7.256.902.711 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	24.599.461.895	18.214.756.387
Chi phí công cụ dụng cụ	209.337.868	246.110.143
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.921.410.279	2.700.727.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.486.130.554	266.183.037.366
- Chi phí cước	106.286.110.464	121.306.902.250
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.200.020.090	144.876.135.116
Chi phí bằng tiền khác	7.342.355.629	7.940.270.405
Tổng cộng	307.558.696.225	295.284.901.365

Trong đó, chi phí nội bộ là 7.256.902.711 đồng.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.536.012.521	8.702.405.023
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.241.456.115	7.772.582.662
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.040.507.460	8.250.541.877
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	168.099.267	687.988.396
Tổng cộng	17.986.075.363	25.413.517.958

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	11.506.849
Dự phòng đầu tư tài chính	(555.978.540)	1.237.952.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.349.615.752	5.978.096.903
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	929.913.677
Tổng cộng	793.637.212	8.157.469.429

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	6.770.170.177	5.348.189.224
Chi phí đồ dùng văn phòng	117.591.543	98.218.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	805.351.931	929.209.936
Thuế, phí và lệ phí	190.439.671	171.352.729
Chi phí dự phòng	1.443.216.392	73.574.243
Chi phí khác bằng tiền	6.845.629.816	5.528.887.563
Tổng cộng	16.172.399.530	12.149.432.494

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	536.000.000	926.727.273
Thu nhập khác	307.776.343	418.978.242
Tổng cộng	843.776.343	1.345.705.515

6.7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	500.449.572	844.776.394
Chi phí khác	291.952.908	-
Tổng cộng	792.402.480	844.776.394

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	33.231.341.060	26.094.479.424
Thu nhập hoạt động khác	(15.697.873.745)	(17.001.672.781)
- Cổ tức được chia	(5.536.012.521)	(8.702.405.023)
- Thu nhập hoạt động khác (chịu thuế suất 25%)	(10.161.861.224)	(8.299.267.758)
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	35.000.000	80.000.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	17.568.467.315	9.172.806.643
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.513.693.463	1.834.561.328
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	2.540.465.306	2.074.816.940
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	6.054.158.769	3.909.378.268

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	31.369.632.072	23.562.945.611
Chi phí công cụ dụng cụ	326.929.411	344.328.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.726.762.210	3.629.937.000
Thuế, phí và lệ phí	190.439.671	171.352.729
Chi phí dự phòng	1.443.216.392	73.574.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.486.130.554	266.183.037.366
Chi phí khác bằng tiền	14.187.985.445	13.469.157.968
Tổng cộng	323.731.095.755	307.434.333.859

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành được xem là các bên có liên quan với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với bên có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.3	19.970.118.174	17.015.131.915
Phải trả - xem thêm mục 5.10	2.591.844.966	4.924.113.667

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	448.056.197	342.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.063.816.908	1.164.435.528

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.154.211.915	75.498.875.905
Đầu tư ngắn hạn	8.134.000.000	31.446.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.687.823.196	79.202.882.384
Đầu tư dài hạn	8.843.026.540	8.287.048.000
Tài sản tài chính khác	21.875.700.000	13.995.840.000
Tổng cộng	218.694.761.651	208.430.646.289
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	144.575.052.656	150.134.739.910
Chi phí phải trả	7.519.315.863	316.309.204
Tổng cộng	152.094.368.519	150.451.049.114

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ tài chính		Tài sản tài chính	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	4.783.159,31	5.191.024,80	1.848.601,11	2.432.787,73
Euro (EUR)	-	-	4.763,27	20.444,45
Đô la Singapore (SGD)	-	-	500,00	500,00

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	144.575.052.656	-	144.575.052.656
Chi phí phải trả	7.519.315.863	-	7.519.315.863
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	150.134.739.910	-	150.134.739.910
Chi phí phải trả	316.309.204	-	316.309.204

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.687.823.196	-	104.687.823.196
Tài sản tài chính khác	21.875.700.000	-	21.875.700.000
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.202.882.384	-	79.202.882.384
Tài sản tài chính khác	13.995.840.000	-	13.995.840.000

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 19 tháng 03 năm 2013.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HIỀN

KHÚC VĂN DỤ